

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - NINH BÌNH**

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Công Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

2. Ông Bùi Xuân Phúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung - Thư ký viên tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS ngày 13/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST ngày 27/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ PA, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Bản P, xã K, huyện N, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Tống Xuân T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh N.

(Chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/6/2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, nguyên đơn chị Vũ PA trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Vũ PA và anh Tống Xuân T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 13/01/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là trước khi kết hôn chưa tìm hiểu kỹ về nhau, quá trình sống chung bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 10/2020 chị PA nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc nên đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị PA đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tổng Xuân T.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Tổng Minh Đ, sinh ngày 27/9/2020. Hiện nay cháu đang ở với chị PA. Nếu được ly hôn chị PA có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung, và đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị PA xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Tổng Xuân T đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để anh T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, nhưng anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình để hòa giải vụ án, tại bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 tại gia đình anh T nêu ý kiến, anh đồng ý ly hôn với chị PA, đồng ý để chị PA nuôi con chung là cháu Tổng Minh Đ và cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Tài sản và công nợ anh T xác định không có.

Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2021 UBND xã S xác nhận thông tin về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và công nợ chung của vợ chồng đúng như chị PA trình bày.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các quy định trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Vũ PA và anh Tổng Xuân T.

- Về con chung: Giao cháu Tổng Minh Đ sinh ngày 27/9/2020 cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị PA mỗi tháng 800.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 8/2021 đến khi cháu Đức đủ 18 tuổi.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị PA phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị PA đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay chuyển sang án phí. Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân huyện N đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết là đúng quy định. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, phiên tòa đã được hoãn lần thứ nhất do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ PA và anh Tổng Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2020. Do vậy hôn nhân giữa chị PA và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị PA và anh T hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, hay cãi nhau, từ tháng 10 năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị PA và anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được tòa án tổng đạt thông báo hòa giải nhưng anh T không đến tòa án làm việc hòa giải, chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ PA là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị PA và anh T có 01 con chung là cháu Tổng Minh Đ, sinh ngày 27/9/2020. Hiện nay cháu đang ở với chị PA. Chị PA có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Xét thấy kể từ khi ly thân đến nay, chị PA là người trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu Đ, tại biên bản ghi lời khai do tòa án thực hiện, anh T đồng ý để chị PA nuôi con chung là cháu Tổng Minh Đ và cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, để bảo đảm sự ổn định về sinh sống của con dưới 36 tháng tuổi và xét nguyện vọng của chị A là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị PA, tiếp tục giao cháu Đ cho chị PA chăm sóc hàng tháng cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị PA và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí ly hôn, cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm: Chị PA, anh Tổng Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 227, Điều 228 ; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử: cho chị Vũ PA được ly hôn anh Tổng Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Tổng Minh Đ, sinh ngày 27/9/2020, cho chị PA tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị PA mỗi tháng 800.000 đồng, kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ PA phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị PA đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0003341 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Anh Tổng Xuân T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Vũ PA, anh Tổng Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSNQ tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- THADS huyện Nho Quan;
- UBND xã S;
- Dương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HỨA CÔNG NGUYÊN